|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CHÍNH PHỦ  \_\_\_\_\_\_\_\_ | |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số : /2019/NĐ-CP | |  | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |
| **DỰ THẢO** |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học,*

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết về tổ chức và quản lý của cơ sở giáo dục đại học; hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tếvà một số hoạt động khác của cơ sở giáo dục đại học.

2. Nghị định này áp dụng đối với trường đại học, học viện (sau đây gọi chung là trường đại học), đại học và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục đại học.

## Điều 2. Đặt tên, đổi tên cơ sở giáo dục đại học

1. Tên của cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

a) Cụm từ xác định loại cơ sở giáo dục đại học: đại học, trường đại học, học viện;

b) Cụm từ xác định lĩnh vực, ngành nghề đào tạo, nếu cần;

c) Tên riêng bao gồm tên địa phương, tên danh nhân văn hóa, lịch sử, tên cá nhân, tổ chức.

2. Nguyên tắc đặt tên của cơ sở giáo dục đại học không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đại học khác đã thành lập hoặc đăng ký, bảo đảm sự trong sáng của ngôn ngữ, không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc; tên của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học.

Tên của cơ sở giáo dục đại học phải bằng tiếng Việt, kèm tên giao dịch quốc tế được xác định trong quyết định thành lập cơ sở giáo dục đại học hoặc quyết định đổi tên cơ sở giáo dục đại học.

3. Nguyên tắc đổi tên của cơ sở giáo dục đại học được thực hiện trong trường hợp cần thiết, phải bảo đảm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và không làm thay đổi loại, loại hình cơ sở giáo dục đại học trừ trường hợp chuyển đổi loại, loại hình cơ sở giáo dục đại học theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ đổi tên:

a) Tờ trình đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục đại học;

b) Nghị quyết của hội đồng trường hoặc hội đồng đại học;

c) Đề án đổi tên cơ sở giáo dục đại học, trong đó nêu rõ lý do và sự cần thiết phải đổi tên; báo cáo đánh giá tác động đối với người học, cán bộ, giảng viên và các bên liên quan; các giải pháp xử lý rủi ro sau khi thực hiện đổi tên, nếu có.

d) Văn bản chấp thuận việc đổi tên của UBND cấp tỉnh nơi có trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học và cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục đại học đối với cơ sở giáo dục đại học công lập.

5. Quy trình xử lý hồ sơ đổi tên:

a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ kèm theo tệp tinđến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cho cơ sở giáo dục đại học bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## Điều 3. Chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thục sang cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hồ sơ chuyển đổi gồm có:

a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thục sang cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục đại học tư thục;

b)Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với trường đại học tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thục;

c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại họctư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

d) Các minh chứng kèm theo: Báo cáo kết quả kiểm toán, kết quả định giá; đất đai, tài sản, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục đại học tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;

đ) Đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý;

e) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục đại học tư thục; quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm của cơ sở giáo dục đại học tư thục; quyết định công nhận hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học tư thục đương nhiệm và các tài liệu liên quan khác, nếu có.

2. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển đổi:

a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ kèm theo tệp tin đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cho cơ sở giáo dục đại họctư thục bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## Điều 4. Chuyển trường đại học thành đại học

1. Điều kiện để chuyển trường đại học thành đại học:

a) Trường đại học đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng;

b) Có ít nhất 05 Trường thuộc trường đại học được thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Có nghị quyết của hội đồng trường;

d) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý trực tiếp trường đại học đối với trường đại học công lập; có sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với trường đại học tư thục;

đ) Có văn bản chấp thuận của UBND cấp tỉnh nơi có trụ sở chính của trường đại học.

2. Hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học gồm: Tờ trình đề nghị chuyển trường đại học thành đại học; nghị quyết của hội đồng trường; đề án chuyển trường đại học thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, các minh chứng quy định tại khoản 1 Điều này, quy chế tổ chức hoạt động của đại học, các giải pháp giải quyết rủi ro khi tiến hành chuyển đổi, nếu có; đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý;

3. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học: Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ kèm theo tệp tin đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cho trường đại học bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thành lập Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học

a) Điều kiện thành lập Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học: có tối thiểu 05 ngành thuộc cùng một nhóm ngành đào tạo từ trình độ đại học trở lên, trong đó, có tối thiểu 3 ngành đang đào tạo đến trình độ tiến sỹ, đã cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh tốt nghiệp; có quy mô đào tạo từ 3000 người học trở lên; có quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học;

b) Hồ sơ thành lập Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học gồm: đề án thành lập nêu rõ sự cần thiết thành lập Trường, giải pháp thực hiện đề án; các minh chứng về điều kiện thành lập Trường quy định tại điểm a Khoản này; văn bản đồng ý của cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục.

c) Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và ra quyết định thành lập Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học.

## Điều 5. Liên kết các trường đại học thành đại học

1. Điều kiện để các trường đại học liên kết thành đại học:

a) Có ít nhất 3 trường đại học đã đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học tham gia liên kết; các trường đại học tham gia liên kết phải cùng loại hình, trừ trường hợp trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận liên kết thành đại học tư thục không vì lợi nhuận;

b) Có nghị quyết của hội đồng trường các trường đại học tham gia liên kết thành đại học;

c) Có quy chế tổ chức và hoạt động của đại học do các trường đại học liên kết với nhau xây dựng, trong đó xác định mục tiêu, sứ mạng chung; các quy định về tổ chức, tài chính, tài sản; điều kiện thành viên được gia nhập hoặc tách khỏi đại học; các nội dung khác, nếu có;

d) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan trực tiếp quản lý các trường đại học công lập hoặc có sự đồng thuận củacác nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp tại mỗi trường đại học tư thục;

đ) Có ý kiến đồng ý của UBND cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của các cơ sở giáo dục đại học.

2. Hồ sơ liên kết các trường đại học thành đại học:

a) Tờ trình đề nghị liên kếtthành đại học của các trường đại học tham gia liên kết;

b) Nghị quyết của các hội đồng trườngvề việc tham gia liên kết;

c) Đề án liên kết thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, những thay đổi về mục tiêu, sứ mạng của các trường tham gia liên kết; quy chế tổ chức, hoạt động của đại học; các giải pháp giải quyết rủi ro khi tiến hành liên kết, nếu có.

3. Quy trình xử lý hồ sơ: Các cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ kèm theo tệp tinđến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 45 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạochủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm đúng quy định tại Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cho các trường đại học bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## Điều 6. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường; công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường và thành viên hội đồng trường công lập

1. Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập được thành lập như sau:

a) Đối với các cơ sở giáo dục đại học chưa có hội đồng trường, hiệu trưởng có trách nhiệm đề xuất cơ quan trực tiếp quản lý cử đại diện tham gia hội đồng trường; chỉ đạo thực hiện quy trình bầu các thành viên được bầu theo cơ cấu, số lượng thành viên hội đồng trường quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học sau khi thống nhất quy trình, cách thức thực hiện với đại diện cơ quan trực tiếp quản lý và các thành viên đương nhiên của cơ sở giáo dục đại học; tổ chức bầu chủ tịch hội đồng trường; đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý của cơ sở giáo dục đại học ra quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường.

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học công lập đã có hội đồng trường thì hội đồng trường tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học; đồng thời, báo cáo cơ quan trực tiếp quản lý của cơ sở giáo dục đại học về việc kiện toàn hội đồng trường cho phù hợp quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (nếu hội đồng trường chưa đúng quy định).

Chủ tịch hội đồng trường đương nhiệm chỉ đạo thực hiện quy trình bầu các thành viên được bầu, bầu chủ tịch hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp theo quy định của pháp luật và theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý của cơ sở giáo dục đại học ra quyết định công nhận việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng trường (nếu có), công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp.

c) Hồ sơ đề nghị công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường gồm: tờ trình đề nghị công nhận hội đồng trường, trong đó nêu rõ quy trình xác định, bầu các thành viên hội đồng trường; danh sách và sơ yếu lý lịch của chủ tịch và các thành viên của hội đồng trường; văn bản đồng ý tham gia hội đồng trường của các thành viên hội đồng trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu chủ tịch và phiếu bầu hoặc văn bản cử các thành viên hội đồng trường của cơ quan có thẩm quyền.

d) Trường hợp chủ tịch hội đồng trường tự nguyện xin thôi làm chủ tịch hội đồng trường hoặc không thể tiếp tục làm việc hoặc thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì phó chủ tịch, nếu có, hoặc thư ký tổ chức họp hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường mới và gửi hồ sơ đề nghị thay thế chủ tịch hội đồng trường đến cơ quan trực tiếp quản lý trường đại học quyết định công nhận. Hồ sơ gồm: Tờ trình nêu rõ lý do bầu thay thế chủ tịch hội đồng trường, văn bản liên quan đến chủ tịch hội đồng trường đương nhiệm, biên bản họp hội đồng trường, biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu chủ tịch hội đồng trường mới.

đ) Trường hợp hội đồng trường bị khuyết thành viên thì chủ tịch hội đồng trường căn cứ vào thành phần của các thành viên bị khuyết để lựa chọn thành viên thay thế theo quy trình quy định tại điểm a Khoản này. Hồ sơ đề nghị bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp bổ sung thay thế, biên bản họp hội đồng trường, biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu, các hồ sơ minh chứng liên quan, nếu có.

e) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của cơ sở giáo dục đại học, cơ quan trực tiếp quản lý trường đại học ra quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường

a) Chủ tịch và thành viên của hội đồng trường bị miễn nhiệm, bãi nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia hội đồng trường; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; sức khỏe không đủ khả năng đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục; đang chấp hành bản án của tòa án; có trên 50% tổng số thành viên của hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm; các trường hợp khác được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

b) Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan trực tiếp quản lý trường đại học ra quyết định công nhận. Hồ sơ gồm có: Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm và các văn bản, minh chứng liên quan.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của cơ sở giáo dục đại học, thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục đại học ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm; trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định về tổ chức bộ máy của lực lượng vũ trang.

4. Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học được thành lập theo hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và bên ký kết nước ngoài được thành lập theo quy định của hiệp định. Nếu hiệp định đã được ký kết không quy định thì thực hiện theo pháp luật Việt Nam.

## Điều 7. Thủ tục thành lập hội đồng trường, công nhận hội đồng trường; công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường của trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

1. Hội đồng trường của trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận được thành lập như sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục đại học chưa có hội đồng trường, các nhà đầu tư góp vốn thành lập trường đại học bầu người đại diện thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường, bầu chủ tịch hội đồng trườngtheo quy định tại khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ thành lập hội đồng trường, bầu chủ tịch hội đồng trường đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học ra quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường.

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học đã có hội đồng trường thì hội đồng trường tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ, và thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học; đồng thời, báo cáo hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học về việc kiện toàn thành viên hội đồng trường cho phù hợp quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, nếu có thay đổi. Chủ tịch hội đồng trường đương nhiệm chỉ đạo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này cho nhiệm kỳ tiếp theo.

c) Hồ sơ đề nghị công nhận hội đồng trường, chủ tịch và các thành viên hội đồng trường, gồm: Tờ trình đề nghị công nhận hội đồng trường, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng trường; danh sách chủ tịch và các thành viên của hội đồng trường; sơ yếu lý lịch của các thành viên; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu chủ tịch hội đồng trường, các thành viên đại diện cho tổ chức, cá nhân góp vốn và giảng viên cơ hữu.

d) Trong trường hợp chưa thể bầu được chủ tịch hội đồng trường hoặc chủ tịch hội đồng trường không thể tiếp tục làm việc hoặc thuộc các trường hợp đang đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này, trường đại học cử quyền chủ tịch hội đồng trường trong số các thành viên của hội đồng trường; việc bầu, công nhận quyền chủ tịch hội đồng trường được thực hiện như đối với chủ tịch hội đồng trường và quyết định công nhận quyền chủ tịch hội đồng trường có giá trị không quá 6 tháng, kể từ ngày ban hành.

đ) Trường hợp có thành viên của hội đồng trường bị khuyết thì chủ tịch hội đồng trường căn cứ vào thành phần của thành viên bị khuyết để thực hiện quy trình lựa chọn thành viên thay thế theo quy định tại điểm a Khoản này và gửi hồ sơ đề nghị công nhận bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường đến hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học.

e) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của cơ sở giáo dục đại học, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học ra quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường

a) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau: Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia hội đồng trường; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị ốm đau, tai nạn không có khả năng đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ việc để điều trị bệnh quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa được hồi phục; đang chấp hành bản án của tòa án hoặc các trường hợp vi phạm khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; có trên 50% tổng số thành viên của hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

b) Hội đồng trường xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học quyết định, bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, các văn bản liên quan minh chứng cho các lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 8. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học**

1. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học công lập được hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và tại khoản 1, khoản 2, Điều 6 Nghị định này.

2. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học của đại học tư thục và đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và tại Điều 7 Nghị định này.

## Điều 9. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu

1. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu được tổ chức và hoạt động phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn; gắn kết đào tạo với nghiên cứu; phát triển đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, đạt các tiêu chí sau:

a) Tỷ lệ chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ không dưới 50% tổng số chương trình đào tạo cấp bằng; quy mô người học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ không ít hơn 25% tổng quy mô đào tạo và cấp tối thiểu 20 bằng tiến sỹ/năm;

b) Tỷ trọng nguồn thu từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao không thấp hơn 25% tổng thu của cơ sở giáo dục đại học.

c) Công bố tối thiểu 100 bài báo ISI/Scopus/năm trong toàn cơ sở giáo dục đại học và đạt tỷ lệ trung bình 0,3 bài/năm/giảng viên trong 3 năm gần nhất.

d) Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên không quá 20; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 50% tổng số giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học.

2. Hằng năm, trên cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học do các cơ sở giáo dục đại học báo cáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh sách các cơ sở giáo dục đại học đạt các tiêu chuẩn định hướng nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều này để xã hội giám sát và đáp ứng nhu cầu thông tin cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

## Điều 10. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam

1. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học; đồng thời thực hiện một số quy định cụ thể sau đây:

a) Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có giám đốc, phó giám đốc phân hiệu và các đơn vị phục vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của phân hiệu. Tổ chức và hoạt động của phân hiệu được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của phân hiệu: Thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học được giao, tuân thủ sự điều hành chung của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học.

2. Trình tự cho phép thành lập; điều kiện về giáo dục để cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thẩm quyền, thủ tục thẩm định điều kiện giáo dục; điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị; thẩm quyền cho phép thành lập; hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động giáo dục; thủ tục cho phép hoạt động giáo dục; đình chỉ hoạt động, giải thể phân hiệu cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định đối với cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư của nước ngoài theo quy định hiện hành của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và các điều kiện sau đây:

a) Chương trình giảng dạy tại phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải là chương trình giảng dạy đang được thực hiện tại cơ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và đã đượctổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín kiểm định chất lượng.

b) Phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải có vốn đầu tư tối thiểu là 500 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 250 tỷ đồng.

c) Phân hiệu cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định về thành lập và hoạt động theo pháp luật và tiêu chuẩn của quốc gia nơi cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập.

## Điều 11. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học

1. Điều kiện thành lập, cho phép hoạt động;đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam được thực hiện theo **quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.**

2. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học bao gồm:

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy; ban hành các văn bản nội bộ cần thiết để tổ chức, triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tổ chức các hoạt động đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục và chương trình ðào tạo các trình độ của giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo yêu cầu của cơ sở giáo dục hoặc tổ chức có thẩm quyền; cấp và thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

Đối với cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo thuộclực lượng vũ trang nhân dân cần bảo mật thông tin theo quy định, việc tổ chức hoạt động đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

c) Tổ chức đào tạo kiểm định viên khi đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Công khai giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, danh sách kiểm định viên, kết quả hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

đ) Tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình kiểm định chất lượng giáo dục; các nguyên tắc hoạt động, điều kiện và tiêu chuẩn của tổ chức, cá nhân hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục;

e) Gửi báo cáo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục để công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cung cấp hồ sơ, tài liệu kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong năm, kế hoạch triển khai cho năm tiếp theo và các đề xuất, kiến nghị, nếu có, về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

h) Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện và thủ tục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được công nhận hoạt động tại Việt Nam được thực hiện theo **quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.**

## Điều 12. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học

1. Các cơ sở giáo dục đại học được quyền tự chủ các hoạt động theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học và một số nội dung cụ thể sau:

a) Về hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ:

- Cơ sở giáo dục đại học được quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phù hợp quy định của pháp luật;

- Quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh; bảo đảm chất lượng đầu ra đáp ứng các quy định và yêu cầu xã hội; quyết định mở ngành đào tạo và quyết định liên kết đào tạo theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng, thẩm định, ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sỹ phù hợp với các quy định của pháp luật về chuẩn chương trình đào tạo;

- Tổ chức và quản lý đào tạo đối với các trình độ, hình thức đào tạo, thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật;

- Quyết định phương thức hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ; xác định các hướng nghiên cứu và thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học; quyết định tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

**b) Về tổ chức bộ máy và nhân sự:**

**- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của** cơ sở giáo dục đại học **phù hợp với** chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đã được quy định;

**- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc, trực thuộc**cơ sở giáo dục đại học**;**

**- Quyết định và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; x**ây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu lao động theo chức danh nghề nghiệp và quyết định số lượng người làm việc theo quy định chi tiết của cơ sở giáo dục đại học;

- Quyết định tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, sử dụngvà quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chế độ và chính sách thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao; quy định mức thu nhập của người lao động theo chất lượng và hiệu quả sản phẩm công việc;

- Quyết định cử giảng viên, nhà khoa học và người lao động đi tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài theo phân cấp; quyết định mời các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia có uy tín ở trong và ngoài nước đến giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý chuyên môn, quản lý các đề án, dự án, chương trình đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Về tài chính và tài sản:

- Cơ sở giáo dục đại học được quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về tài chính, tài sản và các chính sách khác phù hợp quy định của pháp luật;

- Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng tài sản vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ có trách nhiệm giải trình theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học và một số quy định cụ thể như sau:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Chịu trách nhiệm thuyết minh, giải trình trước cơ quan có thẩm quyền việc thực hiện cơ chế tự chủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ; cam kết và chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Thực hiện công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học về các nội dung: sứ mạng, tầm nhìncủa cơ sở giáo dục đại học; kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, danh sách thí sinh trúng tuyển hàng năm, quy mô đào tạo và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp; chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; mẫu văn bằng, các thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; các quy chế, quy định nội bộ; chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cả khóa học; chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng; các nội dung khác liên quan đến hoạt động tự chủ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học thuộc lực lượng vũ trang thực hiện tự chủ theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

## Điều 13. Trình độ đào tạo một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù

1. Trình độ đào tạo chuyên sâu đặc thù là trình độ của người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, có khối lượng học tập từ 150 tín chỉ trở lên đối với người đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương hoặc đã tốt nghiệp chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp đối với người đã có bằng cử nhân.

2. Căn cứ vào quy định về điều kiện đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, tiêu chuẩn giảng viên và chuẩn đầu ra đã đạt được, người tốt nghiệp chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp được xếp vào bậc tương ứng trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

## Điều 14. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học

1. Hệ thống văn bằng giáo dục đại học bao gồm:

a) Bằng cử nhân cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Bằng thạc sĩ cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

c) Bằng tiến sĩ cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

d) Văn bằng trình độ tương đương cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. Văn bằng đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù thuộc hệ thống giáo dục đại học bao gồm bằng kỹ sư, bằng bác sĩ và một số loại văn bằng khác do Thủ tướng Chính phủ quy định, được cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể các loại văn bằng đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù thuộc hệ thống văn bằng giáo dục đại học; quy định khối lượng học tập tối thiểu, chuẩn đầu ra của các trình độ được cấp văn bằng giáo dục đại học trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Chứng chỉ đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học đã hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ quyết định ban hành hoặc do hội nghề nghiệp cấp trung ương ban hành và được bộ, cơ quan ngang bộ quyết định công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## Điều 15. Hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ và theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học trong hoạt động khoa học và công nghệ

a) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định chi tiết của cơ sở giáo dục đại học;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học

a) Thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể và quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức phát triển công nghệ dưới hình thức viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu; tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, tổ chức khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo dưới hình thức văn phòng, xưởng sản xuất, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các đơn vị khác, nếu có; xây dựng các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ ở lĩnh vực thế mạnh, ưu tiên; xây dựng các trung tâm tư vấn nghiên cứu để hỗ trợ nhà nghiên cứu, kết nối với các quỹ hỗ trợ kinh phí và doanh nghiệp nhằm đưa ý tưởng sáng tạo vào thực tiễn;

b) Xây dựng các mô hình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp gắn với chuyển giao tri thức; đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một số trường đại học định hướng nghiên cứu, trường đại học thông minh;

c) Thực hiện quyền sở hữu trí tuệ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa họccó sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; thực hiện cơ chế phân chia lợi ích giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục đại học và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Xây dựng chính sách và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh với các chương trình nghiên cứu gắn với hợp tác quốc tế và đào tạo trình độ tiến sĩ; xây dựng chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học cho các giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học;

đ) Thực hiện chính sách thu hút, sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, các chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia người nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học; tổ chức hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; khen thưởng và vinh danh cáctác giả có công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước, giảng viên trẻ và sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc;

e) Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệthông qua các mô hình hợp tác nghiên cứu, xây dựng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo các quy định của pháp luật;

g) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ; tổ chức công tác truyền thông về hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học;

h) Xây dựng một số trung tâm thí nghiệm, phòng thí nghiệm đa ngành, liên ngành dùng chung theo ngành, lĩnh vực ưu tiên gắn với hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo trình độ cao;

i) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ;

k) Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể các quy định tại Khoản này.

## Điều 16. Hoạt động hợp tác quốc tế trong cơ sở giáo dục đại học

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học trong hoạt động hợp tác quốc tế

a) Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của cơ sở giáo dục đại học phù hợp với mục tiêu hoạt động hợp tác quốc tế và chủ trương, chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo;

b) Tổ chức quản lý và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo thẩm quyền;

c) Thực hiện đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện quyền tự chủ về trao đổi giảng viên và trao đổi sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên và chất lượng đào tạo;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.

2. Nội dung quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học

a) Tổ chức đơn vị chuyên trách về hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học;

b) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của trường đại học phù hợp với quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật liên quan khác;

c) Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế thiết thực, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học;

d) Phối hợp với các cơ quan hữu quan bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

## Điều 17. Rút vốn và chuyển nhượng vốn đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học

1. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn trong trường đại học tư thục được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với các quy định của pháp luật và phải bảo đảm các nguyên tắc chuyển nhượng sau đây:

a) Người có nhu cầu chuyển nhượng thông báo các điều kiện chuyển nhượng với hội đồng trường;

b) Hội đồng trường thông báo các điều kiện chuyển nhượng đến các thành viên góp vốn còn lại và công khai với người lao động của nhà trường với cùng điều kiện; thông báo phải có giá trị ít nhất 30 ngày, kể từ ngày thông báo;

c) Việc chuyển nhượng thực hiện theo thứ tự: Giữa các thành viên góp vốn của cơ sở giáo dục đại học theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của từng thành viên; cho người lao động trong nhà trường nếu các thành viên góp vốn không nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng không hết; cho người không phải là thành viên góp vốn và người lao động trong cơ sở giáo dục đại họcnếu người lao động của cơ sở giáo dục đại học không nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng không hết.

2. Đối với trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, nguyên tắc chuyển nhượng quyền sở hữu vốn góp do cơ sở giáo dục đại họcquy định trong quy chế tổ chức hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học, không trái với các quy định hiện hành.

3. Việc rút vốn và chuyển nhượng quyền sở hữu vốn góp vào trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận phải theo quy định của pháp luật, các quy chế của cơ sở giáo dục đại học và bảo đảm sự ổn định, phát triển của cơ sở giáo dục đại học.

4. Trong trường hợp cơ sở giáo dục đại học bị giải thể, việc xử lý về tài chính, tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật.

## Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

2. Bãi bỏ: Điều 6 Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học.

## Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KGVX (3b) | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |